

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN NÚI THÀNH  
TỈNH QUẢNG NAM**

Bản án số: 06/2022/KDTM-ST

Ngày: 16/08/2022

V/v “*Tranh chấp hợp đồng xây dựng*”.

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÚI THÀNH TỈNH QUẢNG NAM**

*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Nho Hoàng;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tấn Quang

Bà Nguyễn Thị Kim Cúc

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Đoàn Thị Kiều Hoanh – Thư ký  
Tòa án.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam tham  
gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Việt Hà – Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Núi Thành,  
tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh – Thương mại thụ lý  
số 13/2019/TLST-KDTM ngày 25 tháng 8 năm 2017 về việc: “*Tranh chấp hợp  
đồng xây dựng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2018/QĐXX-ST  
ngày 18 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty cổ phần xây dựng công trình A; Địa chỉ: Khu tập thể  
Bệnh viện G, thị trấn G, huyện G, tỉnh H. Người đại diện theo pháp luật: ông Phạm  
Xuân B, chức vụ: Giám đốc công ty (có mặt).

- Bị đơn: Công ty Liên doanh công trình Miền Trung; Địa chỉ: thôn H, xã T,  
huyện N, tỉnh Quảng Nam. Người đại diện theo pháp luật: ông Hoàng Văn T, chức  
vụ: Giám đốc (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

- *Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn Công ty cổ phần xây dựng  
công trình A trình bày:*

Tháng 10 năm 2012 công ty Liên doanh Công trình M và công ty cổ phần xây  
dựng công trình A ký kết hợp đồng số: 14/HĐXD/2012 ngày 10/10/2012 về việc  
“Giao nhận nhân công, vật liệu phụ - máy thi công” thực hiện một số hạng mục của  
dự án sau: Công trình: Xây dựng các hạng mục công trình thuộc giai đoạn 2 kế  
hoạch 1856 theo lệnh khẩn cấp (thực hiện theo văn bản số 968/TTg-KTN ngày  
16/7/2012 của Thủ tướng chính phủ); Hạng mục: Kết cấu nhịp chính – phụ trợ phục

vụ thi công bãi đúc đầm công trình cầu vượt đường sắt tại Km995+590 tuyến đường sắt Hà Nội – Thành phố Hồ Chí Minh (Sa Huỳnh – Quảng Ngãi).

- Đại diện chủ đầu tư: Ban quản lý dự án đường sắt Khu vực 2.

- Nhà thầu chính: Liên doanh công ty cổ phần Đầu tư xây dựng và phát triển Trường An – Tổng công ty xây dựng công trình giao thông 8 – CTCP.

- Hợp đồng chính giữa Chủ đầu tư và liên doanh nhà thầu chính: Hợp đồng số 54/2012/HĐ-TCXD ngày 25/9/2012

- Nhà thầu phụ nhân công vật liệu phụ - máy thi công (của công ty Liên doanh công trình miền Trung): Công ty cổ phần xây dựng A

Ngày 28/8/2013 Công ty Liên doanh Công trình M(bên A) và Công ty cổ phần xây dựng công trình A (bên B) đã ký biên bản đối chiếu công nợ hai bên xác nhận giá trị bên A tạm giữ chờ quyết toán là: 2.153.543.680 đồng; Căn cứ Mục 7.2.7 Điều 7 của hợp đồng số 14/HĐXD/2012 ngày 10/10/2012 thì “bên A giữ lại 10% giá trị các hạng mục bên B thực hiện và được thanh toán khi chủ đầu tư thanh quyết toán hạng mục công trình với bên A”; Ngày 09/2/2017 chủ đầu tư (Ban quản lý dự án đường sắt khu vực 2 – Đường sắt Việt Nam) với liên doanh công ty cổ phần Đầu tư xây dựng và phát triển Trường An – Tổng công ty xây dựng công trình giao thông 8 – CTCP đã ký biên bản thanh lý hợp đồng thi công xây dựng số 54/2012/HĐ-TCXD ngày 25/9/2012. Tuy nhiên, đến nay Công ty Liên doanh công trình M vẫn chưa thanh toán cho Công ty cổ phần xây dựng công trình A như hợp đồng đã ký kết. Vì vậy, Công ty cổ phần xây dựng công trình A yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty liên doanh công trình M thanh toán cho Công ty cổ phần xây dựng công trình A với số tiền: 2.153.543.680 đồng.

*-Người đại diện theo pháp luật của bị đơn công ty Liên doanh Công trình M trình bày:*

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty có trụ sở tại khối 2, thị trấn Núi Thành, huyện Núi Thành tỉnh Quảng Nam; nhưng hiện nay Công ty Liên doanh Công trình M có trụ sở tại: thôn Hòa Vân, xã Tam Nghĩa, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam. Việc Công ty cổ phần xây dựng công trình A có hợp đồng thi công với Công ty Liên doanh Công trình M là đúng sự thật; trong đó ông Phạm Xuân Bào là người đứng tên trong hợp đồng ký kết và trực tiếp giao dịch về vật tư, tài chính để phục vụ thi công với Công ty Liên doanh Công trình M và trực tiếp giao dịch trong hợp đồng này; Việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu công ty Liên doanh công trình M thanh toán cho công ty cổ phần xây dựng công trình A số tiền 2.153.543.680 đồng, Công ty Liên doanh Công trình M không chấp nhận vì đây là số tiền đối chiếu công nợ tạm thời (theo khối lượng nghiệm thu tạm tính theo dự toán chưa có khối lượng quyết toán chính thức của chủ đầu tư) chưa phải là biên bản đối chiếu chính thức.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký cũng như Hội

đồng xét xử sơ thẩm là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; việc chấp hành pháp luật của các đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật; Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc Công ty Liên doanh Công trình M phải thanh toán cho Công ty cổ phần xây dựng công trình A số tiền 2.153.543.680 đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1]. Về tố tụng:**

Nguyên đơn Công ty cổ phần xây dựng công trình A khởi kiện yêu cầu bị đơn Công ty Liên doanh công trình M thanh toán số tiền còn nợ 2.153.543.680 đồng trong hợp đồng số 14/HĐXD/2012 ngày 10/10/2012, do đó quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là tranh chấp hợp đồng xây dựng; bị đơn Công ty Liên doanh công trình M có trụ sở tại thôn Hòa Vân, xã Tam Nghĩa, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam, vì vậy Tòa án nhân dân huyện Núi Thành có thẩm quyền giải quyết vụ án là đúng quy định tại khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; bị đơn Công ty Liên doanh công trình M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt, vì vậy Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

#### **[2]. Về nội dung:**

[2.1]. Ngày 10 tháng 10 năm 2012 giữa Công ty cổ phần xây dựng công trình A và Công ty Liên doanh công trình M đã ký kết hợp đồng kinh tế số 14/HĐXD/2012 ngày 10/10/2012 về việc “Giao nhận nhân công, vật liệu phụ - máy thi công” theo đó Công ty cổ phần xây dựng công trình A đã thực hiện đúng, đầy đủ các nội dung theo hợp đồng đã ký; ngày 28/8/2013 Công ty Liên doanh công trình M và Công ty cổ phần xây dựng công trình A đã ký biên bản đối chiếu công nợ, hai bên xác nhận giá trị bên bị đơn Công ty Liên doanh công trình M tạm giữ chờ quyết toán là 2.153.543.680 đồng.

[2.2]. Tại Mục 7.2.7 Điều 7 của hợp đồng số 14/HĐXD/2012 ngày 10/10/2012 giữa Công ty Liên doanh công trình M (bên A) và Công ty cổ phần xây dựng công trình A (bên B) quy định: “bên A giữ lại 10% giá trị các hạng mục bên B thực hiện và được thanh toán khi chủ đầu tư thanh quyết hạng mục công trình với bên A”. Đến ngày 09/02/2017 chủ đầu tư (Ban Quản lý dự án đường sắt khu vực 2 Đường sắt Việt Nam) và liên danh Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển Trường An và Tổng Công ty xây dựng công trình giao thông 8 - CTCP đã ký biên bản thanh lý hợp đồng thi công xây dựng công trình số 54/2012/HĐ-TCXD ngày 25/9/2012. Do chủ đầu tư đã thanh lý hợp đồng nhưng Công ty Liên doanh công

trình Mvăn không thanh toán cho Công ty cổ phần xây dựng công trình A số tiền còn nợ 2.153.543.680 đồng theo biên bản đối chiếu công nợ lập ngày 28/8/2013 vì vậy Công ty cổ phần xây dựng công trình A khởi kiện yêu cầu Công ty Liên doanh công trình Mphải thanh toán số tiền còn nợ 2.153.543.680 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 274, Điều 275, khoản 1 Điều 351 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc Công ty Liên doanh công trình Mphải thanh toán cho Công ty cổ phần xây dựng công trình A số tiền 2.153.543.680 đồng.

[3]. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: vì yêu cầu của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 274, Điều 275, khoản 1 Điều 351 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần xây dựng công trình A đối với bị đơn Công ty Liên doanh công trình M về việc “tranh chấp hợp đồng xây dựng”.

Buộc Công ty Liên doanh công trình M phải thanh toán cho Công ty cổ phần xây dựng công trình A số tiền 2.153.543.680 đồng (Hai tỷ một trăm năm mươi ba triệu năm trăm bốn mươi ba ngàn sáu trăm tám mươi đồng).

Kể từ ngày Công ty cổ phần xây dựng công trình A có đơn yêu cầu thi hành án mà Công ty Liên doanh công trình Mchưa thanh toán số tiền trên thì hàng tháng Công ty Liên doanh công trình M còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Về án phí: Công ty Liên doanh công trình M phải chịu 75.071.000 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho Công ty cổ phần xây dựng công trình A số tiền tạm ứng án phí 37.535.436 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001555 ngày 22/8/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi

hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Núi Thành;
- Chi cục THADS huyện Núi Thành;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Nho Hoàng**